UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83 /QĐ – SYT

Bình Phước, ngày 05 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Danh mục kỹ thuật bổ sung trong khám, chữa bệnh của Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Phước

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 26 /04/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh;

Thực hiện Thông tư số 21/2017/TT – BYT ngày 10/5/2017 về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT – BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Căn cứ Biên bản số 11/BBTĐMKT – SYT ngày 05/4/2019 của Hội đồng thẩm định Danh mục kỹ thuật Sở Y tế;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Danh mục kỹ thuật Sở y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với **Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Phước** gồm **57** kỹ thuật.

Điều 2. Nội dung Danh mục **57** kỹ thuật bổ sung trong khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Bình Phước được đính kèm tại Phụ lục.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng phòng: Nghiệp Vụ; Văn phòng Sở; Chánh Thanh tra Sở; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và đơn vị có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- GĐ SYT;
- Các PGĐ SYT;
- Lưu VT, NV (C 05.4).

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Quách Ái Đức

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG TRONG KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Đính kèm Quyết định số: 83/QĐ- SYT ngày 05 /4/2019 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	STT theo TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)				
1	252	Xoa bóp áp lực hơi	x	x	x	x
		TỔNG CỘNG : 01 KỸ THUẬT				

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG TRONG KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Đính kèm Quyết định số: 83 /QĐ- SYT ngày 05/4/2019 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

XXIII. HÓA SINH

STT	STT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. MÁU				
1	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x		
2	24	Định lượng βhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x	x		
3	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x		
4	33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x		
5	34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x		
6	35	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	x	x		
7	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
8	43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	x	x		
9	45	Định lượng C-Peptid	x	x	x	
10	46	Định lượng Cortisol	x	x		
11	52	Định lượng Cyfra 21- 1	x	x		
12	61	Định lượng Estradiol	x	x		
13	63	Định lượng Ferritin	x	x		
14	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x		
15	67	Định lượng Folate	x	x		
16	68	Định lượng FT_3 (Free Triiodothyronine)	x	x		
17	69	Định lượng FT_4 (Free Thyroxine)	x	x		
18	98	Định lượng Insulin	x	x		
19	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x		
20	117	Định lượng Myoglobin	x	x		
21	120	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase)	x	x		
22	121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x		
23	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		
24	131	Định lượng Prolactin	x	x		
25	134	Định lượng Progesteron	x	x		

26	138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	x	x		
27	139	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	x	x		
28	140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	x	x		
29	147	Định lượng T_3 (Tri iodothyronine)	x	x		
30	148	Định lượng T_4 (Thyroxine)	x	x		
31	151	Định lượng Testosterol	x	x		
32	160	Định lượng Troponin Ths	x	x		
33	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x		
34	169	Định lượng Vitamin B12	x	x		
TỔNG CỘNG : 34 KỸ THUẬT						

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG TRONG KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Đính kèm Quyết định số: 83 /QĐ- SYT ngày 05 /4/2019 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

XXIV. VI SINH

STT	STT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		B. VIRUS				
		2. Hepatitis virus				
1	119	HBsAg miễn dịch tự động	x	x		
2	120	HBsAg khẳng định	x	x		
3	121	HBsAg định lượng	x	x		
4	124	HBsAb định lượng	x	x		
5	126	HBc IgM miễn dịch tự động	x	x		
6	129	HBc total miễn dịch tự động	x	x		
7	132	HBeAg miễn dịch tự động	x	x		
8	135	HBeAb miễn dịch tự động	x	x		
9	146	HCV Ab miễn dịch tự động	x	x		
10	157	HAV IgM miễn dịch tự động	x	x		
11	159	HAV total miễn dịch tự động	x	x		
		3. HIV				
12	172	HIV Ab miễn dịch tự động	x	x		
		5. Herpesviridae				
13	194	CMV IgM miễn dịch tự động	x	x		
14	196	CMV IgG miễn dịch tự động	x	x		
15	200	CMV Avidity	x	x		
16	204	HSV 1 IgG miễn dịch tự động	x	x		
17	208	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	x	x		
		7. Các virus khác				
18	256	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	x	x		
19	258	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	x	x		
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		2. Ký sinh trùng trong máu				
20	299	*Toxoplasma* IgM miễn dịch tự động	x	x		
21	301	*Toxoplasma* IgG miễn dịch tự động	x	x		
22	302	*Toxoplasma* Avidity				
TỔNG CỘNG : 22 KỸ THUẬT						